

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 7 năm 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chi

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 08/7/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39b/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ Quang T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường X, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Hoàng Thị N trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Quang T đăng ký kết hôn ngày 11/10/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang. Trước khi cưới anh chị được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và có được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới vợ chồng chị về chung sống với nhau Ný tại gia đình anh T, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T đi ngoại tình và vợ chồng không

bảo ban nhau trong làm ăn phát triển kinh tế từ đó bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng không cải thiện được dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Từ khoảng tháng 9/2020 chị đã thuê nhà ra ở riêng cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung vợ chồng: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Quang Minh, sinh ngày 05/8/2011 và Đỗ Trường An, sinh ngày 18/4/2017; hiện nay cháu An đang ở cùng với chị, cháu Minh đang ở cùng với anh T. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu An và đề nghị giao cháu Minh cho anh T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2021 đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố Đông Giang, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Chị N và anh T kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xương Giang theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới chị N về nhà anh T làm dâu. Đến năm 2020 thì vợ chồng chị N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và vợ chồng chị N sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay.

+ Tại biên bản xác minh ngày 07/5/2021, ông Đỗ Quang Tỷ là bố đẻ anh Đỗ Quang T cung cấp: Năm 2016 anh Đỗ Quang T kết hôn với chị Hoàng Thị N, đăng ký kết hôn tại UBND phường Xương Giang. Trước khi cưới hai được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Ban đầu vợ chồng anh T chị N chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do trong quá trình chung sống anh T chị N có bất đồng quan điểm và cho rằng cả hai bên đều đi ngoại tình dẫn đến cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân. Chị N đã bỏ ra ngoài sống từ cuối năm 2020 đến nay. Về con chung: Chị N và anh T có 02 con chung là Đỗ Quang Minh, sinh ngày 05/8/2011 và Đỗ Trường An, sinh ngày 18/4/2017. Về tài sản chung: Chị N và anh T không có tài sản chung. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện nay anh T đi làm tối về gia đình, ông đã giao lại Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021, cháu Đỗ Quang Minh, sinh ngày 05/8/2011 trình bày: Hiện nay cháu đang ở với anh T. Khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với anh T vì cháu thấy anh T có đủ điều kiện để nuôi cháu.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt T theo quy định pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do.

- Ngày 24/6/2021 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Đỗ Quang T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Đỗ Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N và xử cho chị N được ly hôn anh Đỗ Quang T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Trường A, sinh ngày 18/4/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Quang M, sinh ngày 05/8/2011 cho anh T. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” phải giải quyết trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị; đối với bị đơn anh Đỗ Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan hệ hôn nhân và gia đình của các đương sự được xác lập năm 2010, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ý kiến trình bày của nguyên đơn là anh chị tự nguyện kết hôn, có giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Đây là chứng cứ chứng minh quan hệ hôn nhân của chị N và anh T phát sinh trong thời gian Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành. Hôn nhân của chị N và anh T phù hợp quy định pháp luật được coi là vợ chồng, hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ chồng, anh chị không còn sống chung là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh T không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy, xác định anh T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có hai con chung là cháu Đỗ Quang Minh, sinh ngày 05/8/2011 và cháu Đỗ Trường An, sinh ngày 18/4/2018. Hiện nay cháu Minh đang ở với anh T, cháu An đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu An và giao cháu Minh cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu An còn nhỏ đang ở với chị N, mọi sinh hoạt đều do chị N lo; còn cháu Minh đang ở với anh Trường, mọi sinh hoạt học hành của cháu Minh do anh T lo. Theo nguyện vọng của cháu Minh thì có nguyện vọng được ở với anh T. Để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định cuộc sống của các cháu. Do vậy, cần giao cháu An cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Minh cho anh T chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[2.4]. Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và theo điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N .

1.1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Đỗ Quang T

1.2. Về con chung:

1.2.1 Giao con chung là Đỗ Trường An, sinh ngày 18/4/2018 cho chị Hoàng Thị N nuôi dưỡng. Giao con chung là Đỗ Quang Minh, sinh ngày 05/8/2011 cho anh Đỗ Quang T nuôi dưỡng.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

1.2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001010 ngày 06/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N, anh Đỗ Quang T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ./.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường Xương Giang;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Hà